



ME-43

CÔNG TƠ ĐIỆN TỬ 3 PHA 4 DÂY 3 PHASE 4 WIRE ELECTRONIC METER

- Công tơ 3 pha 4 dây
- 1 Biểu giá
- Đo các thông số điện: V, A, kWh
- Cảnh báo mất pha, pin yếu... trên màn hình hiển thị
- 3 phase 4 wire meter
- Single tariff
- Parameter measuring: V, A, kWh
- Warning: phase loss, low battery... on the LCD

ME-43

CÔNG TƠ ĐIỆN TỬ 3 PHA 4 DÂY 3 PHASE 4 WIRE ELECTRONIC METER

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Điện áp danh định (Un)	3x220/380V; 3x230/400V	
Dải điện áp hoạt động	0.8Un~1.2Un	
Dòng điện danh định (In)	3x5(10)A	3x5(100)A
Tần số	50Hz ±2.5Hz	
Hằng số công tơ	10000xung/kWh	1000xung/kWh
Cấp chính xác	0.5S	1
Tiêu chuẩn	IEC 62052-11; IEC 62053-21,22, 31, 61; IEC 60695; IEC 61000; IEC 60068; IEC 62056-21, 6-1 TC103/QĐ-EVN; ĐLVN 39:2019; ĐLVN 237:2021...	

ĐẶC TRƯNG

- Công tơ 3 pha 4 dây
- 1 biểu giá
- Đại lượng đo: Điện năng hữu công tổng
- Cảnh báo mất pha, pin yếu... trên màn hình hiển thị
- Cho phép đọc thông tin trên màn hình LCD khi mất điện.

LƯU TRỮ VÀ HIỂN THỊ

- Tổng điện năng hữu công
- Hiển thị: LCD panel
- Các thông số hiển thị khả trình
- Thông tin lưu trữ trên bộ nhớ EEPROM.

TRUYỀN THÔNG

- Cổng quang cách ly

CẤP BẢO VỆ

- Vỏ công tơ: IP 54
- Cấp cách điện: II

KÍCH THƯỚC LẮP ĐẶT VÀ SƠ ĐỒ ĐẦU DÂY

- Kích thước(mm): L235xW177xH55
- Nhiệt độ làm việc: -25°C đến +70°C
- Độ ẩm: 95%
- Trọng lượng: 0.9 kg

TECHNICAL PARAMETERS

Rate voltage (Un)	3x220/380V; 3x230/400V	
Operating voltage range	0.8Un~1.2Un	
Rate current (In)	3x5(10)A	3x5(100)A
Frequency	50Hz ±2.5Hz	
Meter constant	10000imp/kWh	1000imp/kWh
Class	0.5S	1
Standard	IEC 62052-11; IEC 62053-21,22, 31, 61; IEC 60695; IEC 61000; IEC 60068; IEC 62056-21, 6-1 TC103/QĐ-EVN; ĐLVN 39:2019; ĐLVN 237:2021...	

SPECIFICATIONS

- 3 phase 4 wire meter
- Single tariff
- Measuring quantity: Total active energy
- Warning: phase loss, low battery... on the LCD
- Allow reading information on LCD screen when power off.

DATA STORE AND DISPLAYING

- Total active energy,
- Displaying: LCD panel
- Parameter displaying programmable.
- Data in EEPROM Memory.

COMMUNICATION

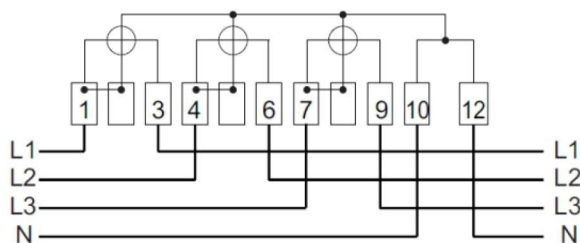
- Optical port

PROTECTION

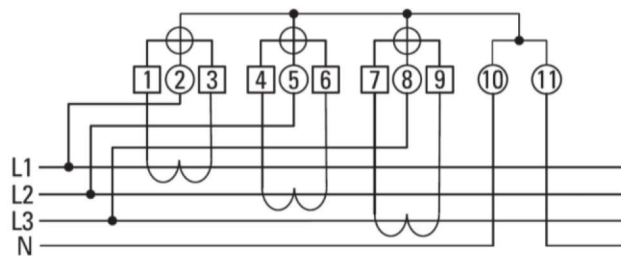
- Casing: IP 54
- Insulation class :II

DIMENSIONS AND CONNECTION DIAGRAMS

- Dimensions(mm) : L235xW177xH55
- Working Temperature: -25°C upto +70°C
- Humidity: 95%
- Weight: 0.9 kg



Sơ đồ đầu dây công tơ trực tiếp (loại 5(100)A)
Direct meter connection diagrams (5(100)A type)



Sơ đồ đầu dây công tơ gián tiếp (loại 5(10)A)
Indirect meter connection diagrams (5(10)A type)

GELEX ELECTRIC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Số 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
(84-24) 7 3012344 (84-24) 3 6331510 www.gelex-electric.vn ge@gelex-electric.vn

GELEX ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY

No.52 Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam
Dai Dong-Hoan Son Industrial Zone, Tien Du, Bac Ninh province, Vietnam
(84-24) 7 3012344 (84-24) 3 6331510 www.gelex-electric.vn ge@gelex-electric.vn